

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa  
hư hỏng kè Quy Xá đoạn từ K39+700-K39+900, đê hữu sông Chu,  
xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí tu sửa, khắc phục các công trình bị thiệt hại do thiên tai cuối năm 2018 và năm 2019 từ nguồn của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1660/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020 và Tờ trình số 436/TT-CTL ngày 08/5/2020 của Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Quy Xá đoạn từ K39+700-K39+900, đê hữu sông Chu, xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư

hông kè Quy Xá đoạn từ K39+700-K39+900, đê hữu sông Chu, xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, với những nội dung chính sau:

**1. Tên công trình:** Tu sửa hư hỏng kè Quy Xá đoạn từ K39+700-K39+900, đê hữu sông Chu, xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa.

**2. Tên chủ đầu tư:** Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

**3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi - giao thông III Thanh Hóa.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo an toàn cho công trình, chủ động ứng phó với mưa, lũ năm 2020.

**5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:**

5.1. Quy mô đầu tư:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè:  $P = 95\%$ .
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ:  $P = 0,6\%$ .
- Hệ số ổn định cho phép:  $[K] \geq 1,25$ .

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	157,95
2	Cao trình đỉnh đồng đá thiết kế	m	+1.50
3	Chiều rộng đỉnh đồng đá chân kè (phần mở rộng)	m	2,5÷4
4	Hệ số mái chân kè		2

**6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:**

6.1. Nội dung đầu tư: Tu sửa đồng đá chân kè với chiều dài 157,95 m.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến kè xã Thiệu Vận đoạn từ K39+700-K39+900 hiện có.

- Trên cơ sở hiện trạng giữ nguyên gia cố đỉnh và mái kè; mở rộng đồng đá chân kè bằng đá hộc thả rời; mặt và mái đồng đá chân kè (phần mở rộng) được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm từ cao trình (+1.50) m xuống cao trình (+1.00) m.

b) Dốc lên xuống phục vụ thi công: Chiều rộng nền dốc  $B = 4$  m bằng đá hộc, mặt dốc bằng cấp phối đá dăm loại 2 đầm lèn chặt dày 20 cm. Đá hộc làm dốc được thanh thải tận dụng để hoàn thiện tuyến kè.

**7. Loại, cấp công trình:** Công trình đê điều, cấp III.

**8. Địa điểm xây dựng:** Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa.

**9. Diện tích sử dụng đất:** Xây dựng trên diện tích công trình hiện có.

**10. Tổng mức đầu tư: 750,0 triệu đồng;**

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	634,7 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	14,3 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	82,1 triệu đồng;

Chi phí khác: 14,0 triệu đồng;  
Chi phí dự phòng: 4,9 triệu đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**13. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1660/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình tu sửa hư hỏng kè Quy Xá đoạn từ K39+700-K39+900, đê hữu sông Chu,  
xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng (Gxd)</b>		<b>634,7</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	$3,108\% \times 0,8 \times \text{Gxd}/1,1$	<b>14,3</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>82,1</b>
3.1	Chi phí khảo sát xây dựng	QĐ số 1113/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	26,406
3.2	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng		1,075
3.3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		38,130
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,598\% \times \text{Gxd}$	16,489
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>14,0</b>
4.1	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019\% \times \text{TMĐT}$	0,142
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,57\% \times \text{TMĐT}$	4,247
4.3	Phí bảo hiểm công trình	$1,04\% \times \text{Gxd}$	6,601
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước	Tạm tính	3,000
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>4,9</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>750,0</b>